

Số: 38 /BC-HĐND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Văn hoá-Xã hội HĐND tỉnh
Trình tại kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khoá VI

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật tổ chức HĐND & UBND, sau khi nghiên cứu Báo cáo số 233/BC-UBND ngày 25/11/2013 về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2013 và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2014 kèm theo Tờ trình số 4022/TTr-UBND ngày 25/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các văn bản pháp luật liên quan và căn cứ kết quả các đợt giám sát, làm việc với một số đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, Ban Văn hoá-Xã hội cơ bản nhất trí với Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội năm 2013 và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh và có ý kiến như sau:

I. Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ trên lĩnh vực văn hoá xã hội năm 2013

Năm 2013, với nhiều khó khăn và thách thức của tình hình kinh tế thế giới, khu vực và trong nước, thời tiết diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh trên địa bàn nhưng tình hình kinh tế-xã hội của tỉnh vẫn ổn định và có bước tăng trưởng khá. Sự nghiệp giáo dục vẫn giữ vững về quy mô, chất lượng, cơ bản hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi cho 139/141 xã, phường, thị trấn. Tỉnh đã tổ chức được những sự kiện lớn để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế như kỷ niệm 40 năm chiến thắng Khe Sanh, kỷ niệm 40 năm lãnh tụ Fidel Castro thăm ngày giải phóng Quảng Trị. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được duy trì, đến nay toàn tỉnh có 947/1.060 làng, bản, khu phố văn hóa đạt chuẩn quốc gia về văn hóa. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và dân số-kế hoạch hoá gia đình tiếp tục được quan tâm. Việc thực hiện xã đạt chuẩn quốc gia về y tế có những chuyển biến tích cực. Nhiều dịch bệnh nguy hiểm được đẩy lùi, giảm tỷ suất sinh bình quân trong năm đạt 0,5‰. Công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo được chú trọng, tạo việc làm mới cho 10.300 lao động (đạt 108,42% KH), chất lượng lao động qua đào tạo được cải thiện. Các chính sách giảm nghèo được quan tâm thực hiện, trong đó số hộ nghèo vay vốn tăng cao. Tỷ lệ người dân sử dụng thẻ bảo hiểm y tế tăng (đến nay toàn tỉnh có 100% hộ nghèo và 34,3% hộ cận nghèo sử dụng thẻ bảo hiểm y tế). Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện tốt. Chương trình xây dựng nông thôn mới được các địa phương tích cực triển khai thực hiện, đến nay đã có 100% xã phê duyệt quy hoạch nông thôn mới, 33/117 xã đạt từ 10-15 tiêu chí (tăng thêm 20 xã

so với năm 2012), tiến hành xây dựng các mô hình sản xuất và đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn cho các xã điểm.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Ban Văn hóa-Xã hội HĐND tỉnh nhận thấy có một số khó khăn, hạn chế như sau:

1. Về lĩnh vực giáo dục- đào tạo

a) Công tác tuyển dụng, biên chế và một số chính sách của giáo viên

- Công tác quản lý và tuyển dụng biên chế còn thiếu chặt chẽ, chưa thống nhất giữa các ngành liên quan cả về số lượng và quan điểm tuyển dụng. Hiện nay toàn tỉnh còn 989 biên chế chưa tuyển dụng theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 19/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2013, trong khi đó số giáo viên, nhân viên hợp đồng trên toàn tỉnh là 1.923; Cơ cấu đội ngũ giáo viên của các ngành học còn tình trạng vừa thừa vừa thiếu, thiếu chủ yếu giáo viên ngành học mầm non, thừa chủ yếu giáo viên trung học cơ sở, mất cân đối trong biên chế giữa các huyện miền núi và đồng bằng (trong đó huyện Đakrông, Hướng Hóa thiếu 306 biên chế; Các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị giáo dục thuộc Sở Giáo dục-Đào tạo thiếu 441 biên chế; Trung học cơ sở thừa 438 biên chế; Trung học phổ thông thừa 97 biên chế; Tiểu học thiếu 318 biên chế; Mầm non thiếu 82 biên chế).

- Việc tuyển dụng biên chế mầm non theo Nghị quyết 28/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 về chuyển đổi các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công trên địa bàn tỉnh sang loại hình công lập và Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND ngày 17/8/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 28/2010/NQ-HĐND còn chậm, đến nay còn 281 người chưa được tuyển dụng.

b) Cơ sở vật chất trường, lớp học

- Toàn tỉnh hiện vẫn còn 1.586 phòng học cấp bốn (chiếm tỷ lệ 21,9%), 265 phòng học tạm, phòng học mượn (trong đó có 195 phòng học tạm và 70 phòng học mượn) và nhu cầu hiện nay cần 291 phòng học để đảm bảo cho chương trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; Nhiều trường học vùng núi, vùng sâu, vùng xa thiếu các công trình nước sạch, nhà vệ sinh cho học sinh, nhà công vụ cho giáo viên (riêng huyện Đakrông thiếu 150 phòng ở cho giáo viên).

- Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia còn thấp (toàn tỉnh hiện có 53/162 trường đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 33%), kinh phí hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia với mức 500 triệu cho trường lần đầu phấn đấu đạt chuẩn chưa thực hiện được.

c) Công tác đào tạo: Việc thực hiện Nghị quyết 06/2008/NQ-HĐND ngày 8/4/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách và kế hoạch đào tạo cán bộ cơ sở người dân tộc thiểu số từ năm 2008-2010, chiến lược đến năm 2020 có một số chỉ tiêu đạt thấp như: Bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ (21,8%KH), lý luận chính trị (37%KH), bồi dưỡng quản lý Nhà nước, (18,4%KH); Chế độ hỗ trợ tiền ăn cho học viên với mức 15.000 đồng/người/ngày là thấp, chưa phù hợp với giá cả hiện nay.

2. Về lĩnh vực y tế

a) Hoạt động sự nghiệp y tế

- Chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chăm sóc sức khỏe của nhân dân trong khi tình trạng thiếu bác sỹ, được sỹ đại học tại các cơ sở điều trị hết sức bức thiết; Nguồn đào tạo bác sỹ, được sỹ tại chỗ còn gặp nhiều khó khăn, vẫn còn tình trạng bác sỹ bỏ việc, chuyển công tác đi nơi khác; Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chưa đồng đều ở các tuyến, cơ cấu các chức danh tại các Trạm Y tế chưa hợp lý.

- Một số địa phương chưa quan tâm chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ (10 tháng đầu năm 2013 có 2 vụ ngộ độc tập thể trên địa bàn huyện Hải Lăng và Hướng Hóa); Quản lý nhà nước trên lĩnh vực kinh doanh ăn uống thực phẩm còn gặp khó khăn do ý thức chấp hành pháp luật của người kinh doanh và người tiêu dùng còn hạn chế, việc xử lý vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm còn thiếu kiên quyết.

b) Cơ sở vật chất, bố trí kinh phí và đầu tư trang thiết bị y tế

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, đặc biệt y tế tuyến cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu so với chuẩn quốc gia về y tế xã; Đầu tư ngân sách cho y tế còn hạn hẹp trong khi nguồn thu một phần viện phí và bảo hiểm y tế chưa đáp ứng yêu cầu; Nguồn vốn đối ứng của các địa phương cho các dự án chưa đảm bảo hoặc chưa được bố trí (Dự án phòng chống bệnh truyền nhiễm khu vực tiểu vùng sông Mê Kông giai đoạn II, dự án hỗ trợ y tế Bắc Trung Bộ) nên ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng thực hiện của các dự án.

c) Bảo hiểm y tế

- Công tác rà soát cấp thẻ bảo hiểm y tế gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trên địa bàn các xã vùng núi, dẫn đến tình trạng cấp trùng thẻ khám chữa bệnh, cấp thẻ sai tên, tuổi và làm thất thoát kinh phí nhà nước. Theo báo cáo của Bảo hiểm Xã hội tỉnh, số thẻ bảo hiểm y tế cấp trùng trên địa bàn toàn tỉnh là 19.801 thẻ/9.628 người với tổng số tiền cấp trùng là 4.879.352.505 đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do việc cấp thẻ bảo hiểm y tế được nhiều cơ quan chủ thể cùng thực hiện, quá trình triển khai độc lập, thiếu sự phối hợp chặt chẽ trong rà soát, đối chiếu; Cán bộ phụ trách bảo hiểm xã hội ở các địa phương chưa thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra thường xuyên trong công tác cấp thẻ bảo hiểm y tế.

3. Về hoạt động văn hóa, thể dục thể thao; Thông tin truyền thông

a) Về văn hóa, thể dục thể thao

- Việc bố trí ngân sách địa phương để xây dựng các thiết chế văn hóa theo Nghị quyết 05/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh “Về phát triển sự nghiệp văn hoá, thể dục thể thao, xây dựng thiết chế văn hoá, thể dục thể thao cơ sở và phát triển thể thao thành tích cao đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020” chưa đảm bảo; Nhiều địa phương ở miền núi, vùng xa chưa có nhà sinh hoạt văn hóa thôn, xã như xã Hướng Lộc có 9/10 thôn, xã Húc (huyện Hướng Hóa) có 8/8 thôn và xã A Bung (huyện Đakrông) có 6/7 thôn. Công tác quy hoạch quỹ đất cho các thiết chế văn hóa chưa được một số địa phương quan tâm.

- Hoạt động phát triển thể thao thành tích cao còn hạn chế do cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo vận động viên còn hạn chế.

b) Về thông tin- truyền thông:

- Trạm phát thanh ở nhiều địa phương xuống cấp, hoạt động của điểm Bưu điện văn hóa xã một số nơi kém hiệu quả, chậm được đổi mới, chưa đáp ứng nhu cầu về thông tin tuyên truyền cho người dân.

- Nguồn kinh phí đầu tư cho lĩnh vực thông tin và truyền thông còn thấp và phân tán; Chưa có chính sách thu hút đối với các chuyên gia giỏi và các nhà đầu tư về lĩnh vực công nghệ thông tin về làm việc và đầu tư tại tỉnh.

- Lĩnh vực bưu chính, chuyển phát có sự phát triển chênh lệch giữa các vùng, miền, người dân ở vùng nông thôn, miền núi ít được tiếp cận các dịch vụ này do các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát không muốn đầu tư mở rộng mạng lưới vì không có hiệu quả kinh tế.

- Việc phát triển hạ tầng mạng viễn thông đã góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, tăng cường an ninh quốc phòng, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, tuy nhiên việc phát triển trạm BTS vẫn còn một số vướng mắc trong việc thuê đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Việc đầu tư để nâng cấp một số trang thiết bị hiện đại cho Đài Phát thanh truyền hình tỉnh chậm được thực hiện.

4. Về lao động, việc làm và các chính sách xã hội

a) Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động

- Công tác dạy nghề cho lao động nông thôn nhiều nơi còn chưa phù hợp, chất lượng đào tạo thấp; Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát về dạy nghề chưa được thường xuyên, thiếu chặt chẽ, dẫn đến tình trạng chông chéo trong tuyển sinh và đào tạo.

- Việc thực hiện Nghị quyết 07/2008/NQ-HĐND ngày 8/4/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về đào tạo nguồn nhân lực (trọng tâm là đào tạo nghề cho người lao động) tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2007-2015 phụ thuộc chủ yếu vào nguồn ngân sách trung ương, nguồn kinh phí địa phương bố trí chưa đảm bảo theo nghị quyết đề ra.

- Cán bộ theo dõi lĩnh vực lao động việc làm ở các địa phương kiêm nhiệm nhiều việc nên ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả công việc; Công tác xuất khẩu lao động trên địa bàn gặp nhiều khó khăn do tình hình suy thoái kinh tế thế giới, một số thị trường lao động tạm dừng hoặc hạn chế tuyển dụng. Bên cạnh đó một số lao động còn tu tưởng ý lại và vi phạm hợp đồng đã ký kết.

- Kinh phí bố trí cho dự án Trung tâm chữa bệnh-giáo dục-lao động xã hội tỉnh chưa được bố trí đủ để hoàn thiện. Một số hạng mục bị cắt giảm nên công tác tổ chức dạy nghề, lao động cho các đối tượng nghiện ma túy sau điều trị cai nghiện sẽ không thực hiện được theo kế hoạch.

b) Việc thực hiện một số chính sách an sinh xã hội

- Công tác phổ biến, tuyên truyền các chính sách, ý nghĩa của công tác giảm nghèo chưa được chính quyền một số địa phương quan tâm, sự phối hợp, tham gia

của các đoàn thể vào thực hiện chính sách giảm nghèo tại một số địa phương chưa thực sự tích cực.

- Thực hiện Nghị quyết 06/2012/NQ-HĐND ngày 13/4/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giảm nghèo bền vững đối với các xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị một số nơi còn hạn chế: Ngân sách bố trí thực hiện nghị quyết chưa đảm bảo theo yêu cầu đề ra; Chính sách về thực hiện giao đất, giao rừng cho dân, đảm bảo cho người dân có diện tích đất sản xuất chưa thực hiện tốt nên nhiều nơi còn thiếu đất sản xuất.

- Việc cắt giảm các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn huyện Đakrông vì lý do huyện đã có Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo đã ảnh hưởng đến việc đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo bền vững tại địa phương; Việc thực hiện Nghị định 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội ở một số nơi còn chậm, công tác rà soát đối tượng bảo trợ xã hội thiếu chính xác nên ảnh hưởng đến quyền lợi của một số đối tượng.

II. Về nhiệm vụ phát triển văn hóa-xã hội năm 2014

Ban Văn hoá Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản thống nhất với phương hướng, chỉ tiêu và giải pháp về phát triển lĩnh vực văn hoá xã hội năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời, Ban Văn hoá-Xã hội có một số kiến nghị đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh một số nội dung, giải pháp để tập trung chỉ đạo thực hiện như sau:

1. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh

- Thực hiện giao chỉ tiêu biên chế giáo dục cần tuyển dụng theo hướng tập trung ưu tiên cho các ngành học thiếu (như ngành học mầm non, nhất là các trường mầm non công lập vùng sâu, vùng xa), bộ môn thiếu (như ngoại ngữ, tin học ở bậc tiểu học) và giáo viên thuộc diện thu hút của tỉnh; Kiên quyết không bố trí biên chế năm 2014 cho các đơn vị không tuyển dụng hết biên chế được giao từ các năm trước và chấn chỉnh việc hợp đồng ngoài định biên; Rà soát, bổ sung công tác quy hoạch mạng lưới trường, lớp học, xóa phòng học tạm, phòng học mượn trên địa bàn. Đồng thời ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2007/NQ-HĐND ngày 10/8/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục-đào tạo đến 2010, chiến lược đến năm 2020.

- Ban hành chính sách địa phương về bố trí kinh phí hỗ trợ để hợp đồng nhân viên dinh dưỡng cho các trường mầm non vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Đối với Nghị quyết 06/2012/NQ-HĐND ngày 13/4/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giảm nghèo bền vững đối với các xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị: Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh kéo dài thời gian thực hiện của Nghị quyết đến 2020 để đảm bảo được mục tiêu, nhiệm vụ và tính khả thi của Nghị quyết. Nghiên cứu bổ sung giải pháp về phân bổ nguồn lực để nâng cao hiệu quả thực hiện của Nghị quyết.

- Nghiên cứu bổ sung thêm biên chế về lĩnh vực thông tin-đối ngoại cho Sở Thông tin-Truyền thông vì đây là nhiệm vụ mới cần được bổ sung theo tinh thần Ban chỉ đạo Thông tin-Đối ngoại của tỉnh.

- Xem xét điều chỉnh nâng mức hỗ trợ tiền ăn cho học viên theo Nghị quyết 06/2008/NQ-HĐND ngày 8/4/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách và kế hoạch đào tạo cán bộ cơ sở người dân tộc thiểu số từ năm 2008-2010, chiến lược đến năm 2020.

- Xem xét bổ sung thêm đối tượng luân chuyển là cán bộ quản lý vào Nghị quyết số 12/2008/NQ-HĐND ngày 24/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Tiếp tục công tác rà soát biên chế đội ngũ giáo viên các ngành học, cấp học, chỉ đạo Sở Giáo dục-Đào tạo và Sở Nội vụ thực hiện tốt việc quản lý và tuyển dụng biên chế đội ngũ giáo viên; Xây dựng đề án về việc giải quyết giáo viên dôi dư và nhập các trường trên địa bàn tỉnh; Nghiên cứu trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét để điều chỉnh mức thu học phí đối với 5 Trường Trung học phổ thông trong diện chuyển đổi bằng mức thu học phí như các trường công lập khác trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện việc khảo sát, công bố vùng thiếu nước ngọt, đồng thời quy định thời gian, mức hưởng phụ cấp, tiền mua và vận chuyển nước ngọt tại vùng đặc biệt khó khăn để thực hiện đảm bảo chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở vùng đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về y tế, quan tâm bố trí nguồn trái phiếu chính phủ cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Lao-Phổi để hoàn thành dự án đã phê duyệt; Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh để đảm bảo 100% tuyến huyện được đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, trạm y tế, trang thiết bị và đến 2015 có 60% số xã đạt chuẩn quốc gia y tế xã; Tăng cường công tác truyền thông về dân số để giảm tỷ lệ sinh con thứ 3.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, trong đó, tập trung nâng cao nhận thức về chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước chính sách giảm nghèo để người nghèo có ý chí vươn lên thoát nghèo; Thực hiện thông tin, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện chính sách bảo trợ xã hội để thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng cho các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội. Huy động hệ thống chính trị, nhất là các tổ chức đoàn thể, lực lượng doanh nghiệp cùng tham gia vận động, hỗ trợ nhân dân trong việc thực hiện công tác giảm nghèo.

- Chỉ đạo các địa phương và ngành chuyên môn (nhất là nâng cao vai trò, trách nhiệm cho UBND các xã, phường, thị trấn) trong việc rà soát, quản lý chặt chẽ, chính xác đối tượng hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội để thực hiện đảm bảo các chính sách. Xây dựng và ban hành quy trình phối hợp liên ngành về cấp, quản

lý và sử dụng thẻ bảo hiểm y tế đối với các đối tượng trên để tránh sự trùng lặp, nhằm giảm thất thoát ngân sách nhà nước.

- Về Nghị quyết 06/2012/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: Trên cơ sở đề án tổng thể, Ủy ban nhân dân tỉnh cần chỉ đạo chính quyền các cấp phối hợp các sở, ngành liên quan thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm về việc thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn, nhất là việc thực hiện Nghị quyết 06/2012/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Thực hiện bố trí nguồn lực cho công tác giảm nghèo có trọng tâm, trọng điểm, đem lại hiệu quả thiết thực đối với người dân. Tập trung quy hoạch sử dụng đất gắn với phát triển sản xuất, tạo điều kiện cho người dân có đất và vốn để phát triển sản xuất. Xây dựng cơ chế để huy động nguồn vốn hỗ trợ từ cộng đồng, doanh nghiệp trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn vốn đóng góp tự nguyện của các cá nhân, tập thể, tổ chức, doanh nghiệp cùng tham gia trong công tác giảm nghèo.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề, bố trí đủ cán bộ quản lý và giáo viên cho các Trung tâm dạy nghề dạy nghề theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

- Phân bổ ngân sách đối ứng địa phương, điều chỉnh đề án với đầy đủ các hạng mục công trình và kiến nghị Trung ương bổ sung nguồn vốn để sớm hoàn thành Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội tỉnh.

- Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, gắn với xây dựng nông thôn mới; Tập trung lồng ghép nguồn lực để xây dựng các thiết chế văn hóa, rà soát lại công tác bố trí quỹ đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thiết chế; Nâng cao chất lượng hoạt động của điểm Bưu điện văn hóa xã. Quan tâm bố trí nguồn vốn đối ứng cho các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo năm 2014 và giai đoạn 2014-2015; Hỗ trợ kinh phí để nâng cấp, sửa chữa Trạm phát thanh xã, mua sắm các trang thiết bị loa máy phục vụ cho hoạt động thông tin tuyên truyền. Sớm bố trí kinh phí cho việc đầu tư trang thiết bị hiện đại cần thiết đối với Đài Phát thanh truyền hình tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền của địa phương.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá-Xã hội về tình hình kinh tế-xã hội năm 2013 và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2014. Kính trình kỳ họp thứ 10 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VI xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TVTU, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh; ĐB mời;
- Lưu: VHXH, VT.

TM. BAN VĂN HÓA XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Văn Hùng